

Bản án số: 77/2018/HSPT
Ngày: 30/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nhận;

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Xuân Hùng;
2. Ông Đặng Văn Hưng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 652/TL-PT ngày 07 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo Lê Văn T và các đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 71/2017/HSST ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Lê Văn T, sinh năm 1981; trú tại: Thôn HN 2, xã AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hoá: 08/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ph; vợ là Phạm Thị Thúy M, sinh năm 1992, có 01 con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Bản án số 133/HSST ngày 15/9/2009 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội Mua bán tài liệu của cơ quan Nhà nước (chưa được xóa án tích); Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/10/2016 đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Thị V, sinh năm 1991; ĐKNKTT: Thôn 8, xã HĐ, thành phố MC, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: Số 3/21/51 DH, phường DH, quận LC, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn Th và bà Hoàng Thị C; chồng là Ngô Minh H, sinh năm 1987, có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Nguyễn Thị Chg, sinh năm 1984; trú tại: Thôn QB, xã DL, huyện KT, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do;

con ông Nguyễn Đức V (đã chết) và bà Đào Thị S; chồng là Lê Văn Th1, sinh năm 1980 (không đăng ký kết hôn), có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/10/2016, Cơ quan An ninh điều tra - Công an thành phố Hải Phòng nhận được tin báo tội phạm về một số đối tượng ở nhà số nhà 10/46/61 đường An Dương 1, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có dấu hiệu mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) tại Công ty TNHH thương mại Hưng Thịnh Hải Phòng, MST: 0201651869.

Tiến hành điều tra xác minh, xác định: Lê Văn T cùng Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị Chg là kế toán, thực hiện hành vi mua, bán trái phép hóa đơn GTGT.

Ngày 24/10/2016, Cơ quan An ninh điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị V đã thu giữ 03 bộ con dấu, 07 quyển hóa đơn GTGT của 03 công ty gồm: Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Thịnh Đạt, Công ty TNHH đầu tư thương mại dịch vụ TLT Hải Phòng, Công ty TNHH thương mại Hưng Thịnh Hải Phòng.

Quá trình điều tra đến nay đã xác định: Từ tháng 8/2007 đến tháng 10/2016, Lê Văn T đã thành lập, mua lại giấy tờ, bộ con dấu, hóa đơn GTGT của 05 công ty để mua bán trái phép hóa đơn GTGT thu lợi bất chính gồm: Công ty TNHH thương mại dịch vụ Trường An, MST: 0200743926; Công ty TNHH thương mại Hưng Anh Thịnh, MST: 0201242552; Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Thịnh Đạt, MST: 0201574043; Công ty TNHH đầu tư thương mại dịch vụ TLT Hải Phòng, MST: 0201642293; Công ty TNHH thương mại Hưng Thịnh Hải Phòng, MST: 0201651869. Trong quá trình hoạt động, T thuê Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị Chg làm kế toán giúp T thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT, cụ thể như sau:

1. Công ty TNHH thương mại dịch vụ Trường An (gọi tắt là Công ty Trường An)

Lê Văn T khai nhận: Tháng 06/2007, T thành lập Công ty Trường An và làm giám đốc, mua 02 quyển hóa đơn GTGT từ cơ quan thuế để mua bán trái phép hóa đơn thu lợi bất chính. Công ty Trường An đăng ký trụ sở tại: Thôn 1 Do Nha, xã Tân Tiến, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; hoạt động từ tháng 8/2007 đến tháng 3/2008.

Mặc dù Công ty Trường An không có bất kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh trao đổi mua bán hàng hóa, dịch vụ nhưng T đã bán trái phép 95 tờ hóa đơn GTGT của Công ty Trường An cho nhiều người (không xác định được nhân

thân, lai lịch) làm đầu vào cho 40 công ty với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn là 9.859.537.145 đồng (trong đó có 64 tờ hóa đơn với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không là 8.561.338.537 đồng, loại thuế suất 5%; 31 tờ hóa đơn với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không là 1.298.198.608 đồng, loại thuế suất 10%); mua 26 tờ hóa đơn GTGT của nhiều người (không xác định được nhân thân, lai lịch) của 11 công ty làm đầu vào cho Công ty Trường An với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không là 9.808.734.699 đồng (trong đó có 18 tờ hóa đơn với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không là 8.519.047.053 đồng, loại thuế suất 5%; 08 tờ hóa đơn với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không là 1.289.687.646 đồng, loại thuế suất 10%).

T bán trái phép hóa đơn GTGT tại Công ty Trường An với giá 12 triệu đồng/1 tỷ đồng tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn, thu được số tiền là 118.314.446 đồng; mua hóa đơn kê khai làm đầu vào với giá 09 triệu đồng/1 tỷ đồng tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn hết số tiền là 88.278.612 đồng. Quá trình mua bán trái phép hóa đơn GTGT tại Công ty Trường An, T làm thủ tục thành lập công ty hết 1.500.000 đồng; thuê nhà làm trụ sở hết 7.500.000 đồng, nộp thuế 8.312.492 đồng. Công ty không thuê kế toán.

Xác minh được 07/11 công ty đầu vào, kết quả: 04 công ty giám đốc khai làm thuê cho đối tượng không xác định được nhân thân, lai lịch, 03 công ty chưa lấy được lời khai giám đốc;

Xác minh được 12/40 công ty đầu ra, kết quả: 08 công ty trình bày có mua hàng hoá, dịch vụ, 04 công ty chưa lấy được lời khai giám đốc.

Như vậy, tại Công ty Trường An, Lê Văn T đã thực hiện hành vi bán trái phép 95 tờ hóa đơn cho 40 công ty, thu được số tiền là 118.314.446 đồng; mua trái phép 26 tờ hóa đơn của 11 công ty hết số tiền là 88.278.612 đồng. Công ty Trường An đã nộp các khoản thuế, phí thành lập công ty hết tổng cộng 17.312.492 đồng. T thu lợi bất chính là 12.723.342 đồng.

2. Công ty TNHH thương mại Hưng Anh Thịnh (gọi tắt là Công ty Hưng Anh Thịnh)

Tháng 01/2014, T cùng với Nguyễn Văn Trg, sinh năm 1975, ĐKTT: Thôn Hà Nhuận 2, xã An Hòa, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng mua lại Giấy đăng ký kinh doanh, bộ con dấu và 05 quyền hóa đơn GTGT chưa ghi nội dung của Công ty Hưng Anh Thịnh với giá 150 triệu đồng, T đưa cho Trg 75 triệu đồng để góp vốn. Trg thuê Ngọc (không xác định được nhân thân, lai lịch) làm kế toán. Sau khi bán hết 05 quyền hóa đơn trên, T và Trg đặt in thêm 10 quyền hóa đơn GTGT nữa để tiếp tục mua bán trái phép hóa đơn kiếm lợi. Việc mua lại giấy tờ, con dấu, 05 quyền hóa đơn GTGT đầu tiên do Trg thực hiện; T và Trg thống nhất việc mua, bán trái phép hóa đơn GTGT lợi nhuận thu được chia hai mỗi người một nửa. Giám đốc Công ty Hưng Anh Thịnh là Lê Văn Duy, sinh năm 1986, ĐKHKT và chỗ ở: Thôn Đại Đồng, xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Công ty Hưng Anh Thịnh thành lập từ tháng 02/2012, đăng ký trụ sở tại 43 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; hoạt động đến tháng 8/2015.

Tại cơ quan điều tra, Lê Văn T khai nhận: Mặc dù Công ty Hưng Anh Thịnh không có bất kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh trao đổi mua bán hàng hóa, dịch vụ nhưng từ tháng 01/2014 đến tháng 06/2015, T cùng Trg đã bán trái phép 479 tờ hóa đơn GTGT cho nhiều người (không xác định được nhân thân, lai lịch) kê khai làm đầu vào cho 59 công ty với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn là 224.137.408.706 đồng (trong đó có 478 tờ hóa đơn với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không là 223.943.108.706 đồng, loại thuế suất 10%; 01 tờ hóa đơn với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không là 194.300.000 đồng, loại thuế suất 5%).

Từ tháng 01/2014 đến tháng 01/2015, T cùng Trg mua 85 tờ hóa đơn GTGT của nhiều người (không xác định được nhân thân, lai lịch) của 24 công ty để kê khai làm đầu vào cho Công ty Hưng Anh Thịnh với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn là 143.856.633.053 đồng.

Trong đó, T trực tiếp bán trái phép khoảng 150 tờ hóa đơn GTGT với giá 13 triệu đồng/1 tỷ đồng tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn; mua khoảng 50 tờ hóa đơn GTGT kê khai làm đầu vào với giá 9,5 triệu đồng/1 tỷ đồng tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn. Số hóa đơn còn lại do Trg trực tiếp mua, bán nên T không nắm được cụ thể số tiền mua và bán hóa đơn của Công ty Hưng Anh Thịnh.

Công ty Hưng Anh Thịnh đã nộp thuế 420.955.577 đồng (trong thời gian T và Trg mua bán trái phép hóa đơn); in hóa đơn GTGT hết 1.900.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã xác minh được 06/24 công ty đầu vào, kết quả: 04 công ty không kê khai xuất hóa đơn cho Công ty Hưng Anh Thịnh, 02 công ty chưa lấy được lời khai giám đốc; đã xác minh 35/59 công ty đầu ra, kết quả: 23 công ty trình bày có mua hàng hóa, dịch vụ, 02 công ty không kê khai sử dụng hóa đơn của Công ty Hưng Anh Thịnh, 10 công ty chưa lấy được lời khai giám đốc.

Giám đốc Lê Văn Duy khai được đối tượng tên Mộng (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) thuê làm giám đốc; Duy không biết việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT tại công ty này. Duy có gặp T và được T thông báo sẽ thay ông Mộng chịu trách nhiệm về Công ty Hưng Anh Thịnh.

Sau khi trừ các chi phí góp vốn, mua giấy tờ, con dấu, hóa đơn, in thêm hóa đơn, T được Trường chia cho 100.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh đối tượng Nguyễn Văn Trg. Hiện Trg vắng mặt tại địa phương nên chưa ghi được lời khai.

Như vậy, tại Công ty Hưng Anh Thịnh, Lê Văn T đã thực hiện hành vi bán trái phép 479 tờ hóa đơn cho 59 công ty, mua trái phép 85 tờ hóa đơn của 24 công ty. Sau khi trừ các chi phí, T được Trường đưa 100 triệu đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT.

Ngoài ra, Lê Văn T còn khai nhận: Tháng 07, tháng 08 năm 2015, T cùng Trường xuất bán trái phép khoảng 50 tờ hóa đơn GTGT (liên 2) tương ứng với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không là 48.561.720.165 đồng. Từ tháng

02/2015 đến tháng 08/2015, T không nhớ đã cùng Trg mua bao nhiêu tờ hóa đơn GTGT để kê khai làm đầu vào với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi khống trên hóa đơn mua vào là 145.867.216.708 đồng. Do Công ty Hưng Anh Thịnh không có Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn thể hiện số hóa đơn GTGT đã bán trái phép; không có bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào, ngoài lời khai của T không còn tài liệu, chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra không kết luận việc mua, bán hóa đơn của T trong thời gian này là có căn cứ.

3. Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Thịnh Đạt (gọi tắt là Công ty Thịnh Đạt)

Tháng 9/2014, T thuê Hoàng Văn K, sinh năm 1956, ĐKHKT và chỗ ở: Thôn LK, xã ĐĐ, huyện KT, tỉnh Hải Dương đứng tên làm giám đốc, thành lập Công ty Thịnh Đạt, trụ sở đăng ký kinh doanh tại số 52/169 Cụm 1, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Thành lập xong công ty, T cầm giữ toàn bộ giấy tờ, con dấu (dấu tròn công ty và dấu chức danh giám đốc), đặt in 20 quyển hóa đơn GTGT, thuê Nguyễn Thị V (bị can trong vụ án) làm kế toán. Công ty Thịnh Đạt hoạt động từ tháng 11/2014 đến tháng 9/2016.

Quá trình điều tra đã xác định: Mặc dù Công ty Hưng Anh Thịnh không có bất kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh trao đổi mua bán hàng hóa, dịch vụ nhưng từ tháng 11/2014 đến tháng 6/2016, T bán trái phép 766 hóa đơn GTGT của Công ty Thịnh Đạt cho nhiều người (không xác định được nhân thân, lai lịch) cho công ty với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi khống trên hóa đơn là 407.888.440.875 đồng; Từ tháng 11/2014 đến tháng 02/2015, T mua 35 tờ hóa đơn GTGT của 09 công ty kê khai đầu vào với tổng số tiền ghi trên các hóa đơn là 70.301.143.699 đồng;

Bị can T khai nhận: T bán trái phép hóa đơn GTGT của Công ty Thịnh Đạt với giá 13 triệu đồng/1 tỷ đồng tiền hàng hóa, dịch vụ ghi khống trên hóa đơn được số tiền là 5.856.274.957 đồng; mua hóa đơn kê khai làm đầu vào cho Công ty Thịnh Đạt với giá 10,6 triệu đồng/1 tỷ đồng tiền hàng hóa, dịch vụ ghi khống trên hóa đơn hết số tiền là 4.760.519.948 đồng. Quá trình mua bán trái phép hóa đơn GTGT tại Công ty Thịnh Đạt, T đã trả cho Hoàng Văn K 50.000.000 đồng; trả tiền thuê nhà làm trụ sở công ty hết 10.000.000 đồng; làm thủ tục đăng ký thành lập công ty hết 2.000.000 đồng; trả tiền in hóa đơn hết 2.090.000 đồng; trả tiền thuê kế toán hết 73.500.000 đồng; nộp thuế 725.563.000 đồng.

Nguyễn Thị V khai nhận: Được T thuê làm kế toán từ tháng 01/2015 đến tháng 10/2016 cho Công ty Thịnh Đạt, được trả 3,5 triệu đồng/1 tháng. V đã thực hiện các công việc nghiệp vụ kế toán như: Viết khống nội dung hàng hóa, dịch vụ, số tiền trên hóa đơn GTGT; chuyển, rút tiền tại ngân hàng; làm Hợp đồng kinh tế; lập Bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra; làm Báo cáo thuế; Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn; gửi hóa đơn GTGT và hợp đồng cho khách hàng. Trong thời gian Nguyễn Thị V làm kế toán cho T, Công ty Thịnh Đạt đã kê khai xuất bán trái phép 690 tờ hóa đơn GTGT với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi khống trên hóa đơn là 352.409.739.667 đồng; mua vào 06 tờ hóa đơn

GTGT với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn là 14.999.039.500 đồng; Tổng cộng, V được T trả 73.500.000 đồng.

Xác minh được 08/09 công ty đầu vào, kết quả: 08 công ty chưa lấy được lời khai giám đốc; đã xác minh 52/81 công ty đầu ra, kết quả: 39 công ty trình bày có mua hàng hoá, dịch vụ, 03 công ty không kê khai sử dụng hoá đơn của Công ty Thịnh Đạt, 10 công ty chưa lấy được lời khai giám đốc.

Giám đốc Công ty Thịnh Đạt là Hoàng Văn K hiện vắng mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa triệu tập được để ghi lời khai.

Như vậy, tại Công ty Thịnh Đạt, Lê Văn T đã thực hiện hành vi bán trái phép 776 tờ hóa đơn cho 81 công ty thu được số tiền là 5.856.274.957 đồng, mua trái phép 35 tờ hóa đơn của 9 công ty hết số tiền là 4.760.519.948 đồng. Công ty Thịnh Đạt đã nộp các khoản thuế, phí thành lập công ty, trả lương giám đốc, kế toán và thuê trụ sở hết tổng cộng 863.153.000 đồng. T thu lợi bất chính là 232.602.009 đồng. Nguyễn Thị V giúp việc cho T trong việc bán trái phép 690 tờ hóa đơn GTGT, mua trái phép 06 tờ hóa đơn GTGT, được T trả tiền công là 73.500.000 đồng.

Ngoài ra, Lê Văn T còn khai nhận: Từ tháng 07/2016 đến tháng 9/2016, T bán trái phép khoảng 100 tờ hóa đơn GTGT tương ứng với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không là 42.594.248.134 đồng, từ tháng 3/2015 đến tháng 9/2016, mua khoảng gần 200 tờ hóa đơn làm đầu vào, tương ứng với số tiền ghi không trên hóa đơn là 378.804.511.795 đồng. Do Công ty Thịnh Đạt không có Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn thể hiện số lượng hóa đơn bán ra, không có bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào, ngoài lời khai của T không còn tài liệu chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra không kết luận việc mua, bán hóa đơn của T trong thời gian này là có căn cứ.

4. Công ty TNHH đầu tư thương mại dịch vụ TLT Hải Phòng (gọi tắt là Công ty TLT Hải Phòng)

Tháng 8/2015, T mua lại Giấy đăng ký kinh doanh, bộ con dấu và 10 quyền hóa đơn GTGT chưa ghi nội dung của Công ty TLT Hải Phòng từ một người phụ nữ tên Trang (không xác định được nhân thân, lai lịch) với giá 180 triệu đồng; thuê Nguyễn Thị V (bị can trong vụ án) làm kế toán. Công ty TLT Hải Phòng có trụ sở đăng ký kinh doanh tại số 1/5/89 Lê Lợi, phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; Giám đốc là Đồng Thị Nhg, sinh năm 1991, trú tại thôn ND, xã AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng; thành lập tháng 7/2015, hoạt động từ tháng 9/2015 đến tháng 9/2016.

Quá trình điều tra đã xác định: Từ tháng 10/2015 đến tháng 9/2016, T bán trái phép hóa đơn GTGT của Công ty TLT Hải Phòng cho nhiều người (không xác định được nhân thân, lai lịch), trong đó, từ tháng 10/2015 đến tháng 6/2016, T bán trái phép 279 tờ hóa đơn GTGT làm đầu vào cho 49 công ty với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn là 151.433.839.990 đồng. Từ tháng 9/2015 đến tháng 9/2016, T mua khoảng 100 tờ hóa đơn GTGT của nhiều người (không xác định được nhân thân, lai lịch) kê khai làm đầu vào cho Công

ty TLT Hải Phòng với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn là 192.700.039.632 Đ (thuế suất 10%).

Tại cơ quan điều tra, T khai nhận: T bán trái phép hóa đơn GTGT của Công ty TLT Hải Phòng với giá 13 triệu đồng/1 tỷ đồng tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn thu được số tiền là 2.512.460.495 đồng; mua hóa đơn kê khai làm đầu vào cho Công ty TLT Hải Phòng với giá 10 triệu đồng/1 tỷ đồng tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn hết số tiền là 1.927.000.396 đồng. Quá trình mua bán trái phép hóa đơn GTGT tại Công ty TLT Hải Phòng, T trả tiền thuê nhà làm trụ sở công ty hết 9.000.000 đồng; trả tiền cho giám đốc công ty hết 8.000.000 đồng; nộp thuế 284.897.000 đồng.

Nguyễn Thị V khai nhận, trong thời gian làm kế toán cho Công ty TLT Hải Phòng, V đã giúp việc cho T xuất bán trái phép 279 tờ hóa đơn GTGT với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn là 151.433.839.990 đồng.

Xác minh được 30/49 công ty đầu ra, kết quả: 21 công ty trình bày có mua hàng hóa, dịch vụ; 02 công ty không kê khai sử dụng hóa đơn của Công ty TLT Hải Phòng; 07 công ty chưa lấy được lời khai giám đốc.

Cơ quan điều tra chưa lấy được lời khai của Đồng Thị Nhg do Nhg vắng mặt tại địa phương.

Như vậy, tại Công ty TLT Hải Phòng, Lê Văn T đã thực hiện hành vi bán trái phép 279 tờ hóa đơn cho 49 công ty thu được số tiền là 151.433.839.990 đồng, mua trái phép nhiều hóa đơn hết số tiền là 192.700.039.632 đồng. Công ty TLT Hải Phòng đã nộp các khoản thuế, mua công ty, trả lương giám đốc và thuê trụ sở hết tổng cộng 481.897.000 đồng. T thu lợi bất chính là 103.563.099 đồng. Nguyễn Thị V giúp việc cho T trong việc bán trái phép 279 tờ hóa đơn GTGT. V làm kế toán cho T ở hai Công ty TLT Hải Phòng và Thịnh Đạt được T trả công 3,5 triệu đồng/ tháng.

Ngoài ra, T còn khai nhận từ tháng 7/2016 đến tháng 9/2016, T bán trái phép khoảng 70 tờ hóa đơn GTGT, tương ứng với tổng số tiền ghi không trên các hóa đơn là 41.832.351.960 đồng; từ tháng 9/2015 đến tháng 9/2016, T mua khoảng 100 tờ hóa đơn GTGT, T làm đầu vào. Do trong thời gian này, Công ty TLT Hải Phòng không có Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào; không có Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn thể hiện số lượng hóa đơn bán ra. Ngoài lời khai của T không còn tài liệu chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra không kết luận việc mua, bán hóa đơn của T trong thời gian này là có căn cứ.

5. Công ty TNHH thương mại Hưng Thịnh Hải Phòng (gọi tắt là Công ty Hưng Thịnh Hải Phòng)

Tháng 10/2015, T thuê Nguyễn Thu H1, sinh năm 1984, ĐKHKT: Thôn DN, xã LT, huyện AD, thành phố Hải Phòng làm giám đốc, thành lập Công ty TNHH thương mại Hưng Thịnh Hải Phòng, in 20 quyển hóa đơn GTGT, thuê Nguyễn Thị Chg (là bị can trong vụ án) làm kế toán để mua bán trái phép hóa đơn GTGT kiếm lợi. Công ty Hưng Thịnh Hải Phòng có trụ sở đăng ký kinh

doanh tại lô 1, thửa 20, xóm Trung, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; hoạt động từ tháng 12/2015 đến tháng 9/2016.

Quá trình điều tra xác định: Từ tháng 12/2015 đến tháng 6/2016, T đã bán trái phép 104 tờ hóa đơn GTGT làm đầu vào cho 24 công ty, với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên các hóa đơn là 70.540.136.099 đồng; từ tháng 12/2015 đến tháng 9/2016, T mua hóa đơn GTGT của nhiều người (không xác định được nhân thân, lai lịch) kê khai làm đầu vào với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn là 104.099.886.769 đồng (thuế suất 10%).

Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận: T bán trái phép hóa đơn GTGT Công ty Hưng Thịnh Hải Phòng với giá 13 triệu đồng/l tờ đồng tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn được số tiền là 1.359.128.467 đồng; mua hóa đơn kê khai làm đầu vào với giá 9,5 triệu đồng/l tờ đồng tiền hàng hóa dịch vụ ghi không trên hóa đơn hết số tiền là 988.948.924 đồng. Quá trình mua bán trái phép hóa đơn GTGT tại Công ty Hưng Thịnh Hải Phòng, T làm thủ tục thành lập công ty hết 2.000.000 đồng; trả tiền thuê giám đốc hết 9.000.000 đồng; in hóa đơn GTGT hết 3.850.000 đồng; thuê nhà làm trụ sở công ty hết 5.000.000 đồng; trả tiền thuê kế toán cho Chg hết 27.000.000 đồng; nộp thuế 144.900.314 đồng.

Nguyễn Thị Chg khai nhận: Được T thuê làm kế toán cho Công ty Hưng Thịnh Hải Phòng từ tháng 12/2015 đến tháng 10/2016. Chg đã thực hiện các công việc nghiệp vụ kế toán, viết không nội dung hàng hóa, dịch vụ, số tiền trên các tờ hóa đơn GTGT; làm Hợp đồng; chuyển, rút tiền tại ngân hàng; gửi hóa đơn GTGT và hợp đồng cho khách hàng; làm Báo cáo thuế; Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo sự chỉ đạo của T. Trong thời gian Chg làm kế toán tại Công ty Hưng Thịnh Hải Phòng, Chg đã giúp việc cho T xuất bán 104 tờ hóa đơn GTGT với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn là 70.540.136.099 đồng. Chg được T trả lương là 27.000.000 đồng. Chg đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 03 quyển hóa đơn GTGT của Công ty Hưng Thịnh Hải Phòng và 110.000.000 đồng (số tiền này T đã đưa cho Chg cầm giữ để phục vụ việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT).

Xác minh được 17/24 công ty đầu ra, kết quả: 11 công ty trình bày có mua hàng hóa, dịch vụ; 06 công ty chưa lấy được lời khai giám đốc.

Nguyễn Thu Hiền khai được T thuê đứng tên giám đốc Công ty Hưng Thịnh Hải Phòng nhưng không biết việc T mua bán trái phép hóa đơn GTGT tại công ty này.

Như vậy, tại Công ty Hưng Thịnh Hải Phòng, Lê Văn T đã thực hiện hành vi bán trái phép 104 tờ hóa đơn cho 24 công ty thu được số tiền là 1.359.128.467 đồng, mua trái phép nhiều hóa đơn hết số tiền là 988.948.924 đồng. Công ty Hưng Thịnh Hải Phòng đã nộp các khoản thuế, mua công ty, trả lương giám đốc và thuê trụ sở hết tổng cộng 191.750.314 đồng. T thu lợi bất chính là 178.429.229 đồng. Nguyễn Thị Chg giúp việc cho T bán trái phép 104 tờ hóa đơn GTGT, được T trả công 27.000.000 đồng.

Ngoài ra, Lê Văn T còn khai nhận: Từ tháng 7/2016 đến tháng 9/2016, T bán trái phép khoảng 40 tờ hóa đơn GTGT tương ứng với tổng số tiền ghi không trên các hóa đơn là 34.008.207.495 đồng. Từ tháng 12/2015 đến tháng 9/2016, T mua khoảng 50 tờ hóa đơn làm đầu vào. Do Công ty Hưng Thịnh Hải Phòng không có Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn thể hiện số lượng hóa đơn GTGT bán ra, không nộp Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào. Ngoài lời khai của T không còn tài liệu chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra không kết luận việc mua, bán hóa đơn của T trong thời gian này là có căn cứ.

Quá trình điều tra còn thể hiện Lê Văn T đứng tên giám đốc tại Công ty TNHH một thành viên thương mại và dịch vụ vận tải Hòa Phát (gọi tắt là Công ty Hòa Phát). Bị cáo T khai nhận: Tháng 4/2013, T được Trương Văn A1, sinh năm 1970, chỗ ở: Số 867 đường HV, phường HV, quận HB, thành phố Hải Phòng thuê đứng tên làm giám đốc Công ty Hòa Phát để mua bán trái phép hóa đơn GTGT kiếm lợi. Các thủ tục thành lập công ty do A1 thực hiện. T được A1 giao cho việc ký các tờ hóa đơn GTGT, chuyển, rút tiền tại ngân hàng, T đã viết khoảng 7 tờ hóa đơn GTGT, ghi không nội dung hàng hóa, dịch vụ, số tiền để A1 xuất bán. T không biết tại Công ty Hòa Phát, A1 đã mua bán trái phép bao nhiêu tờ hóa đơn GTGT, cho những ai, cũng như giá mua, bán hóa đơn. Công ty Hòa Phát hoạt động từ tháng 4/2013 đến tháng 12/2014, không hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ hay hàng hóa gì. T biết A1 mua bán trái phép hóa đơn GTGT tại công ty này nhưng do háo hức nên vẫn đồng ý làm. Tổng cộng, T được An trả 100 triệu đồng.

Do Trương Văn A1 vắng mặt tại địa phương nên cơ quan điều tra chưa lấy được lời khai của A1. Ngoài lời khai của T không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện T có hành vi đồng phạm với A1 mua bán trái phép hóa đơn GTGT tại Công ty Hòa Phát. Vì vậy, cơ quan điều tra tách phần tài liệu liên quan đến Công ty Hòa Phát để tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT ở các Công ty Trường An, Hưng Anh Thịnh, Thịnh Đạt, TLT Hải Phòng, Hưng Thịnh Hải Phòng nêu trên, T khai đã thuê địa điểm làm văn phòng hoạt động hết 43.200.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2017/HSST ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Chg đồng phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

Áp dụng điểm b, d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 164a; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (đối với bị cáo Lê Văn T).

Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 164a; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự (đối với bị cáo Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị Chg); áp dụng thêm điểm 1 khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự (đối với bị cáo V).

Xử phạt:

Lê Văn T: 3 (Ba) năm 6 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2016.

Phạt tiền: 10.000.000 (Mười triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Nguyễn Thị V: 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Nguyễn Thị Chg: 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về truy thu tiền thu lợi bất chính của các bị cáo, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/7/2017, các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Chg kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 01/8/2017, bị cáo Lê Văn T kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Chg khai nhận đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” là đúng người, đúng tội, không oan; các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm đã quy kết, bị cáo T giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù, các bị cáo V, Chg giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu đưa ra các tài liệu, chứng cứ, phân tích, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, quyết định của bản án sơ thẩm, căn cứ kháng cáo của các bị cáo, kết luận: Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Chg đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” điểm b, d, đ khoản 2 Điều 164a Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Khi quyết định hình phạt tù, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất rất nghiêm trọng về hành vi phạm tội của từng bị cáo, xem xét nhân thân, áp dụng tình tiết tăng nặng (đối với bị cáo T), các tình giảm nhẹ để xử phạt bị cáo Lê Văn T 03 năm 06 tháng tù, Nguyễn Thị V 18 tháng tù, Nguyễn Thị Chg 15 tháng tù là có căn cứ pháp luật.

Tuy nhiên, xét các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thị V có nhiều tình tiết giảm nhẹ, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo T đã nộp 60 triệu đồng tiền phạt và thu lợi bất chính, bị cáo V con còn nhỏ nên căn cứ vào chính sách khoan hồng của pháp luật, chấp nhận kháng cáo, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo T từ 6 đến 12 tháng tù, bị cáo V 03 tháng tù, riêng bị cáo V xin hưởng án treo không có cơ sở chấp nhận.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Chg tham gia phạm tội với vai trò giúp sức cho T, tính chất hành vi phạm tội có mức độ, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự,

có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương. Xét bị cáo có đủ điều kiện để áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, xử giữ nguyên mức án nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Chg tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp lời khai nhận của các bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp biên bản khám xét, thu giữ vật chứng, lời khai của người có nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận: Từ tháng 8/2007 đến tháng 10/2016, Lê Văn T đã thành lập và mua lại 05 Công ty để thực hiện hành vi mua bán trái phép hoá đơn GTGT nhằm thu lợi bất chính. Bị cáo đã rất nhiều lần ghi khống nội dung, kê khai bán ra 1.723 tờ hóa đơn GTGT, ghi khống số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 863.859.362.815 đồng, thu được 9.846.178.365 đồng; mua vào 146 tờ hóa đơn GTGT, ghi khống số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 223.966.511.451 đồng, hết số tiền 7.764.747.880 đồng. Trừ đi các khoản chi phí hết tổng số tiền 1.597.312.806 đồng; T được Nguyễn Văn Trg đưa thêm 100.000.000 đồng lợi nhuận ở Công ty Hưng Thịnh An, T còn thu lợi bất chính số tiền 584.117.678 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Chg được Lê Văn T thuê làm kế toán cho một số Công ty của T. Nguyễn Thị V làm kế toán cho hai Công ty là Công ty Thịnh Đạt và Công ty TLT Hải Phòng, bị cáo nhiều lần giúp cho T bán trái phép 969 tờ hóa đơn, mua vào 06 tờ hóa đơn, được T trả tiền công 73.500.000 đồng; Nguyễn Thị Chg làm kế toán cho Công ty Hưng Thịnh, nhiều lần giúp T bán trái phép 104 tờ hóa đơn, được T trả tiền công 27.000.000 đồng.

[2] Như vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Chg đã bị truy tố, xét xử về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo điểm b, d, đ (điểm b đối với bị cáo T) khoản 2 Điều 164a Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, các bị cáo đã mua bán nhiều lần hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước có giá trị rất lớn, trong thời gian dài để thu lợi bất chính, gây thất thoát cho ngân sách nhà nước. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, doanh nghiệp, xâm phạm trật tự trị an, gây bất bình trong dư luận xã hội nên cần phải được xử phạt nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục các bị cáo và mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Lê Văn T và kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Chg, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Đối với bị cáo Lê Văn T: Có vai trò chính trong vụ án, thực hiện hành vi phạm tội rất nhiều lần, trong thời gian dài, phạm vào nhiều tình tiết định khung hình phạt; hưởng lợi số tiền rất lớn; bị cáo đã có một tiền án chưa được xóa án, lần này phạm tội thuộc trường hợp tái phạm. Khi quyết định hình phạt tù, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất rất nghiêm trọng về hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét nhân thân, áp dụng tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp 60.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị V: Bị cáo được Lê Văn T thuê làm kế toán cho 02 Công ty của T, nhiều lần giúp T trong việc bán trái phép 969 tờ hóa đơn, mua 06 tờ hóa đơn, được T trả tiền công 73.500.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét vai trò là đồng phạm giúp sức, nhân thân, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V 18 tháng tù. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tham gia phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, hiện tại còn nhỏ (sinh năm 2017); Hội đồng xét xử căn cứ chính sách khoan hồng của pháp luật, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giảm cho bị cáo một phần phạt, kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Chg: Bị cáo được Lê Văn T thuê làm kế toán cho Công ty Hưng Thịnh, giúp sức cho T mua bán trái phép 104 tờ hóa đơn, được T trả công 27.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là đồng phạm giúp sức, xem xét nhân thân, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo 15 tháng tù là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tham gia phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức; trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm luôn khai báo thành khẩn, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nhận thấy, bị cáo có đủ điều kiện để áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự và theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội Đ Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử giữ nguyên mức

hình phạt nhưng cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo Lê Văn T đã nộp 60.000.000 đồng tiền phạt và tiền thu lợi bất chính.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[5] Do được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Chg không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 355; Điều 356; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1]. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Chg, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Chg phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

Áp dụng điểm b, d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 164a; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2016.

Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 164a; điểm b, l, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị V 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 164a; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Chg 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 30/01/2018.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Chg về Ủy ban nhân dân xã Du Lễ, huyện KT, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục.

* Ghi nhận bị cáo Lê Văn T đã nộp 60.000.000 đồng tiền phạt và tiền thu lợi bất chính (Biên lai thu tiền số 0001597 ngày 14/12/2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. **Án phí:** Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thị V Nguyễn Thị Chg không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam CA thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Cục THA thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu HS, HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đức Nhận